

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/DS-PT

Ngày: 18-8-2022

V/v: “Tranh chấp di sản thừa kế
theo di chúc và yêu cầu tuyên bố
Văn bản công chứng vô hiệu”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Công – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2022/TLPT- DS ngày 24 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp: “Di sản thừa kế và yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng vô hiệu”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 176/2022/QĐ-PT ngày 04/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2022/QĐ-PT ngày 25/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm: 1961; cư trú tại số 148, Xóm 3, thôn N1, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trương Huỳnh Yến L, sinh năm: 1988; cư trú tại thôn Nghĩa Hiệp, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 647, quyền số 01/2021-SCT/CK, CĐ do Văn phòng công chứng N chứng thực ngày 04/5/2021), có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn Tr, sinh năm: 1966; địa chỉ: số 117, Xóm 1, thôn N1, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tr: Luật sư Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1959, thuộc Văn phòng luật sư T, đoàn Luật sư tỉnh L; địa chỉ: số 45, đường Trần Phú, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Lê Thị Ch, sinh năm: 1963; cư trú tại số 117, Xóm 1, thôn N1, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Chúng: Luật sư Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1959, thuộc Văn phòng luật sư T, đoàn Luật sư tỉnh L; địa chỉ: số 45, đường Trần Phú, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

2/ Bà Trịnh Thị Th, sinh năm: 1957; cư trú tại ấp Cộng Sự, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

3/ Văn phòng công chứng N; địa chỉ: số 352, Quốc lộ 20, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đức T, là người đại diện theo pháp luật (Trưởng Văn phòng), có đơn xin vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Lê Văn Tr – Bị đơn và Bà Lê Thị Ch – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2018, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Bà Huỳnh Thị L, người đại diện theo ủy quyền của bà L là Bà Trương Huỳnh Yến L trình bày: Ông Tr Công T (sinh năm: 1958, chết ngày 24/11/2004) là con nuôi của cụ Lê Ph, ông T là chồng Bà Huỳnh Thị L nên gia đình bà L mới có mối quan hệ qua lại với cụ Ph. Vì vậy, ngày 20/12/2013, cụ Lê Ph có lập di chúc để lại cho bà L $\frac{1}{2}$ diện tích đất thuộc thửa 550, tờ bản đồ số 14, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng trong khối tài sản chung của vợ chồng cụ Lê Ph, cụ Hồ Thị M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN584696 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 29/3/2013, di chúc được lập tại Văn phòng công chứng Á (nay là Văn phòng công chứng N), ngày 05/4/2018 cụ Lê Ph chết. Nay bà L yêu cầu công nhận di chúc do cụ Lê Ph lập ngày 20/12/2013 để lại $\frac{1}{2}$ diện tích đất là 207m², thuộc thửa 550 cho bà L là hợp pháp, đồng thời yêu cầu hủy bản di chúc do cụ Lê Ph, cụ Hồ Thị M lập ngày 09/01/2015 để lại di sản là diện tích đất là 207m², thuộc thửa 550 cho vợ chồng Ông Lê Văn Tr, Bà Lê Thị Ch. Vì di chúc cụ Lê Ph lập để lại di sản cho bà L được thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, có công chứng, đúng ý chí của cụ Ph, còn di chúc cụ Ph, cụ M lập để lại di sản cho vợ chồng ông Tr, bà Ch không có công chứng, chứng thực, không đúng với ý chí của cụ Ph nên không đồng ý với yêu cầu phản tố của vợ chồng ông Tr, bà L yêu cầu nhận bằng hiện vật là $\frac{1}{2}$ diện tích đất nêu trên. Bà thống nhất với bản vẽ đo đạc diện tích đất tranh

chấp ngày 16/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 31/7/2019 định giá đối với diện tích đất tranh chấp mà không yêu cầu định giá, đo vẽ lại, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Theo bản tự khai và lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm, bị đơn Ông Lê Văn Tr trình bày: Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L, lý do bà L không phải là con và không phải là họ hàng thân thích của cụ Ph. Khi lập di chúc thì cụ Ph đã 93 tuổi nên không còn minh mẫn và cụ Ph là người không biết chữ. Do đó, di chúc lập ngày 20/12/2013 để lại $\frac{1}{2}$ diện tích đất là 207m² cho bà L là không hợp pháp nên ông yêu cầu tuyên bố bản di chúc lập ngày 20/12/2013 vô hiệu và hủy bản di chúc này. Ngày 09/01/2015, cụ Ph, cụ Hồ Thị M (là cha mẹ ông) lập di chúc để lại cho ông và vợ là Bà Lê Thị Ch diện tích 207m² đất này, di chúc có hai người làm chứng là ông Nguyễn Hồng Phúc và ông Lê Kim Sang, di chúc đã thể hiện ý chí của cụ Ph, cụ M. Năm 2015, do cụ Ph nói làm mất Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BN584696 nên ông Tr đã làm thủ tục yêu cầu cơ quan chức năng cấp lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CA199536 cho cụ Lê Ph nên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BN584696 không còn hiệu lực. Vì vậy, ông yêu cầu công nhận di chúc do cha mẹ ông lập ngày 09/01/2015 để lại diện tích 207m², thuộc thửa 550 cho vợ chồng ông là hợp pháp. Trong trường hợp mà Tòa án công nhận di chúc lập ngày 20/12/2013 là hợp pháp và chia di sản cho bà L thì ông đề nghị Tòa án xem xét chi phí nuôi dưỡng cha ông từ năm 1985 đến năm 2018 là 504.108.000 đồng, chi phí ăn uống, thuốc chữa bệnh là 396.000.000 đồng, chi phí mai táng 90.000.000 đồng, đồng thời xem xét công sức quản lý, bảo quản phần di sản này của ông từ năm 1985 đến nay là 165.000.000 đồng, tổng cộng là 1.155.108.000 đồng. Ông thống nhất với bản vẽ đo đạc diện tích đất tranh chấp ngày 16/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 31/7/2019 định giá đối với diện tích đất tranh chấp, ngoài ra, không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Theo bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án Bà Lê Thị Ch trình bày: Bà là vợ ông Tr, bà không đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế của bà L và đồng ý với yêu cầu của ông Tr yêu cầu tuyên bố di chúc lập ngày 20/12/2013 là vô hiệu và hủy bản di chúc này, đồng thời yêu cầu công nhận bản di chúc lập ngày 09/01/2015 là hợp pháp. Vì ngày 09/01/2015, cha mẹ chồng bà là cụ Ph, cụ M đã lập di chúc cho vợ chồng bà diện tích đất này. Bà thống nhất với bản vẽ đo đạc diện tích đất tranh chấp ngày 16/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và kết quả định giá ngày 31/7/2019, ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Theo bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án Bà Trịnh Thị Th trình bày: Bà là con ruột của cụ Lê Ph, cụ Bùi Thị T, sinh năm: 1931 (chết ngày

20/11/2010). Bà sinh ra tại Q, ông bà nội là cụ Lê H, cụ Lê Thị Đ (cụ H, cụ Đ đều đã chết). Lúc bà được 02 tuổi thì cụ Ph, cụ T không chung sống với nhau nữa mà cụ Ph vào tỉnh Lâm Đồng sinh sống, còn cụ T dẫn bà vào miền nam sinh sống. Đến năm bà được 06 tuổi thì cụ T chung sống với cụ Trịnh Văn M ở xã T, huyện G, tỉnh K. Do mẹ bà sợ cha ruột của bà tìm lại con, do đó đã thay tên đổi họ của bà từ Lê Thị Thê Th, Trịnh Thị Th, lấy họ của cụ M. Sau này bà mới biết cụ Ph chung sống với cụ Hồ Thị M và có một người con chung là Ông Lê Văn Tr, bà xác định cụ Ph chỉ có 02 người con là bà và ông Tr. Năm 1993, bà lấy chồng và sinh sống tại ấp C, xã An M, huyện U, tỉnh Kiên Giang. Sau khi tìm gặp được cụ Ph tại huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì cụ Ph xác định bà là con ruột của cụ Ph.

Nay bà L khởi kiện cho rằng cụ Ph đã lập di chúc để lại $\frac{1}{2}$ diện tích đất là 207m², thuộc thửa 550, tờ bản đồ số 14, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cho bà L, còn ông Tr cho rằng cụ Ph, cụ M lập di chúc cho vợ chồng ông Tr, bà Ch toàn bộ diện tích đất nêu trên. Nếu hai bản di chúc đều do cụ Ph lập thì bà tôn trọng nguyện vọng của cụ Ph. Do bà sinh sống tại tỉnh K từ nhỏ, hoàn cảnh khó khăn nên không có thời gian gần gũi, chăm sóc, phụng dưỡng cụ Ph lúc còn sống nên bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Do đó đối với phần di sản trên bà đề nghị xem xét cho bà L, ông Tr mỗi người $\frac{1}{2}$ diện tích đất 207m² trên, ngoài ra bà không có ý kiến nào khác.

Ông Nguyễn Đức T, là đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng N trình bày: Vào ngày 20/12/2013, Văn phòng công chứng N (trước đây là Văn phòng công chứng A) nhận được yêu cầu công chứng di chúc của cụ Lê Ph, địa chỉ tại xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Công chứng viên kiểm tra nhận thấy hồ sơ người yêu cầu công chứng cung cấp đã đầy đủ như giấy tờ tùy thân là chứng minh nhân dân của các bên, của người làm chứng, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN584696 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 29/3/2013 mang tên cụ Lê Ph. Đối chiếu toàn bộ hồ có liên quan với các quy định của pháp luật nhận thấy hồ sơ đủ điều kiện công chứng, cùng ngày 20/12/2013, Văn phòng công chứng N đã tiến hành công chứng di chúc số công chứng 28771, quyền số 20TP/CC- SCC/HĐGD ngày 20/12/2013 của cụ Lê Ph. Văn phòng công chứng N thực hiện công chứng di chúc của cụ Ph nêu trên là đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 9, 38, 39 Luật công chứng năm 2006, Bộ luật Dân sự và pháp luật có liên quan. Nay Văn phòng công chứng N không đồng ý hủy di chúc ngày 20/12/2013 của cụ Lê Ph, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 04/2020/DS-ST ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Huỳnh Thị L. Buộc Ông Lê Văn Tr phải chia tài sản là $\frac{1}{2}$ diện tích 207m², thuộc thửa 550, tờ bản đồ số

14, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo di chúc số 28771, Quyền số 20TPP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/12/2013 của cụ Lê Ph cho Bà Huỳnh Thị L.

Giao tài sản $\frac{1}{2}$ diện tích đất 207m², thuộc thửa 550, tờ bản đồ số 14, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (phần chia cho bà L) do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông Lê Ph theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA199536 cho Ông Lê Văn Tr được quyền sử dụng.

Buộc Ông Lê Văn Tr phải thanh toán cho Bà Huỳnh Thị L số tiền 2.018.250.000 đồng tiền giá trị di sản do cụ Lê Ph để lại.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Ông Lê Văn Tr về việc yêu cầu tuyên bố di chúc số 28771, Quyền số 20TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/12/2013 của cụ Lê Ph cho Bà Huỳnh Thị L tại Văn phòng công chứng Á (nay là Văn phòng công chứng N) là vô hiệu.

Tại Bản án số 93/2020/DS-PT ngày 17/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận kháng cáo của Ông Lê Văn Tr và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Hủy toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Huỳnh Thị L.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Ông Lê Văn Tr.

Công nhận di chúc của cụ Lê Ph lập ngày 20/12/2013 tại Văn phòng công chứng Á (nay là Văn phòng công chứng N) số công chứng 28771, Quyền số 20TP/CC - SCC/HĐGD để lại di sản là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng diện tích đất thuộc thửa 550, tờ bản đồ số 14, xã K, huyện Đ cho Bà Huỳnh Thị L là hợp pháp.

Tuyên bố di chúc của cụ Lê Ph, cụ Hồ Thị M lập ngày 09/01/2015 để lại di sản là quyền sử dụng diện tích đất thuộc thửa 550, tờ bản đồ số 14, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cho Ông Lê Văn Tr, Bà Lê Thị Ch là vô hiệu và hủy di chúc này.

Chia di sản do cụ Lê Ph để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất 195m², thuộc thửa 550, tờ bản đồ số 14, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cho Bà Huỳnh Thị L được hưởng bằng giá trị. Giao tài sản là $\frac{1}{2}$ diện tích đất 195m², thuộc thửa 550, tờ bản đồ số 14, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cho Ông Lê Văn Tr được quyền sử dụng. Xác định $\frac{1}{2}$ diện tích 195m² đất còn lại thuộc thửa 550, tờ bản đồ số 14, xã K, huyện Đ là di sản của cụ Hồ Thị M để lại chưa chia.

Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Buộc Ông Lê Văn Tr có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị L số tiền 1.706.250.000 đồng (một tỷ bảy trăm linh sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngày 27/5/2022, Ông Lê Văn Tr, Bà Lê Thị Ch kháng cáo đối với Bản án Dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của Bà Huỳnh Thị L, công nhận di chúc của cụ Lê Ph, cụ Hồ Thị M lập ngày 09/01/2015 để lại di sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa 550, tờ bản đồ số 14, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cho Ông Lê Văn Tr, Bà Lê Thị Ch.

Tại phiên tòa, Luật sư Nguyễn Thị Đ, là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ông Lê Văn Tr, Bà Lê Thị Ch trình bày nội dung thay đổi yêu cầu kháng cáo của ông Tr, bà Ch là thừa nhận bản di chúc ngày 09/01/2015 là không hợp pháp và chỉ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tính hợp pháp của bản di chúc ngày 20/12/2013.

Tại phiên tòa hôm nay ông Tr, bà Ch có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo quy định chung.

Bà Huỳnh Thị L, chị Trương Huỳnh Yến Loan, là người đại diện theo ủy quyền của bà L đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Tr, bà Ch, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc vợ chồng cụ Lê Ph, cụ Mót trước khi chết có để lại khối tài sản là diện tích đất 207m², thửa 550, tờ bản đồ số 14; tọa lạc tại xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN584696 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 29/3/2013. Trước khi chết cụ Lê Ph có để lại di chúc giao ½ diện tích đất nói trên cho Bà Huỳnh Thị L. Bị đơn Ông Lê Văn Tr cho rằng bà L không phải con và không phải họ hàng thân thích của cụ Ph, tại thời điểm lập di chúc cho ông Tr thì cụ Ph đã 93 tuổi. Đồng thời, trước khi chết bố mẹ ông là cụ Ph, cụ M có lập di chúc để lại toàn bộ diện tích đất nói trên cho vợ chồng ông Tr, bà Ch. Quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông Tr, bà Ch có đơn phản tố yêu cầu tuyên bố di chúc của cụ Ph để lại cho bà L ½ diện tích đất, di chúc được Văn phòng công chứng A (nay là Văn phòng công chứng N) chứng thực số 28771, Quyền số 20TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/12/2013 vô hiệu, yêu cầu công

nhận di chúc do cụ Ph, cụ M lập ngày 09/01/2015 cho vợ chồng ông Tr, bà Ch là hợp pháp nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là *“Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng”* là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về tố tụng: Bị đơn Ông Lê Văn Tr có đơn xin xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trịnh Thị Th vắng mặt; Bà Lê Thị Ch, người đại diện hợp pháp của Văn phòng công chứng N có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Qua xem xét thì thấy rằng:

[3.1] Xét về hàng thừa kế:

Cụ Lê Ph, sinh năm: 1920, chết ngày 05/4/2018, cụ Hồ Thị M, sinh năm: 1921, chết ngày 22/11/2016, có 01 người con chung gồm: Ông Lê Văn Tr. Ông Tr cho rằng, cụ Ph chỉ có ông Tr là người con duy nhất.

Tuy nhiên, theo lời trình bày của ông Lê Văn Th, (ông Thụ là cháu ruột của cụ Lê Ph) thì *“Trước khi ông Ph chung sống với bà M thì ông Ph chung sống với bà Bùi Thị T tại xã H, huyện N, tỉnh Q và có một người con chung là Lê Thị L. Ông Ph, bà Tuyết khi chung sống với nhau tại xã Hành Phước thì có làm căn nhà bên cạnh nhà ông nội của ông tên Lê Hội (tức là bố của ông Ph). Sau đó, ông Ph chuyển vào Đ, Lâm Đồng sinh sống. Bà Thê ở với mẹ và được ông bà nội của ông nuôi dưỡng. Sau đó, bà Tuyết dẫn bà Thê vào L, Đ sinh sống, bà Tuyết gặp và chung sống với ông Trịnh Văn M rồi cả hai chuyển về Kiên Giang. Sau khi lấy ông M thì bà T đã đổi họ tên của bà Th thành Trịnh Thị Th cho trùng với họ của ông M. Còn ông Ph vào Đ chung sống với bà Hồ Thị M và sinh được một người con chung là Ông Lê Văn Tr. Khi bà M chết năm 2016, ông Ph chết năm 2018 thì bà Th đều về chịu tang. Ông khẳng định bà Th là con ruột của ông Ph”* (bút lục 338). Ngoài ra, Tòa án xác minh ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn S đều cư trú tại xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng là những người sinh sống tại địa phương cùng với cụ Lê Ph thì ông L, ông S đều cho biết *“Ông Lê Ph có một người con gái sinh sống ở Miền Tây”* (bút lục 430-431). Mặt khác, tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2021 ông Tr trình bày *“Theo tôi được biết ông Lê Ph có một người con riêng là Lê Thị Thê sinh năm nào tôi không nhớ, có lần chị Th đã lên gia đình tôi chơi. Tôi khẳng định ngoài tôi và chị Th thì ông Ph không có con nuôi, con riêng nào khác. Mẹ tôi bà M, không có con nuôi, con riêng nào cả”* (bút lục 341).

Ông Tr cho rằng, Ông Tr Công T chồng bà L là con nuôi của cụ Ph. Tuy nhiên, ông Đào Hồng Th, bà Trần Nguyễn Thị Ánh H, ông Nguyễn Văn Th là những người sống tại địa phương cùng với cụ Ph, ông T cho biết *“Ông Tr Công T không phải là con nuôi của ông Ph. Trước đây gia đình ông T khó khăn nên ông Ph hay qua lại giúp đỡ, chứ thực tế không có quan hệ cha nuôi, con nuôi”* (bút lục

325, 328, 331). Tại Văn bản số 178/UB-ND ngày 21/9/2021 Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thể hiện “*Qua kiểm tra sổ hộ tịch về đăng ký nuôi con nuôi được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã Ka Đô từ trước đến nay không tìm thấy thông tin đăng ký việc nhận nuôi con nuôi giữa ông Lê Ph với Ông Tr Công T*”. Tại Biên bản lấy lời khai đối chất ngày 05/5/2021, bà Loan trình bày “*Việc nhận nuôi con nuôi giữa ông Ph với ông T không đăng ký theo quy định của pháp luật, khi ông Ph nhận nuôi ông T thì ông T đã trưởng thành trên 18 tuổi*” (bút lục 266). Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm, bà L trình bày năm 1984, cụ Ph nhận ông T làm con nuôi, khi nhận làm con nuôi thì không đăng ký và khi đó bà và ông T đã là vợ chồng.

Theo quy định của pháp luật việc nuôi con nuôi phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và người được nhận nuôi con nuôi phải là trẻ em dưới 16 tuổi. Tuy nhiên, theo lời trình bày của phía nguyên đơn thì khi cụ Ph nhận nuôi ông T thì ông T đã trên 18 tuổi là không phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, có căn cứ xác định Ông Tr Công T không phải là con nuôi của cụ Ph. Như vậy, có cơ sở khẳng định cụ Ph, cụ M có một người con chung là ông Tr, ngoài ra ông Ph còn có một người con riêng là Bà Trịnh Thị Th; cha mẹ cụ Ph, cụ M đã chết từ lâu và chết trước cụ Ph, cụ M.

[3.2] Xét về di sản thừa kế:

- Diện tích đất 207m², thuộc thửa số 550, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại xã Ka Đô, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN584696 ngày 29/3/2013 đứng tên cụ Lê Ph. Diện tích đất nói trên các đương sự đều thừa nhận là di sản do cụ Ph, cụ M để lại nên cần căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết yêu cầu chia di sản thừa kế của các đương sự.

- Theo hồ sơ thể hiện thì: Theo tờ di chúc ngày 09/01/2015 của cụ Ph, cụ M thể hiện nội dung “...*tôi tên là Lê Phu, bà Hồ Thị M, hiện nay vợ chồng tôi trong tình trạng tinh thần minh mẫn, sáng suốt, chúng tôi lập di chúc này như sau: Chúng tôi là chủ sử dụng tài sản thừa đất có số thửa 550, diện tích 207m², thuộc tờ bản đồ số 14, xã Ka Đô theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM584696 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 29/3/2013, nay chúng tôi lập di chúc để định đoạt tài sản của chúng tôi nêu trên sau khi vợ chồng tôi qua đời, họ và tên con trai tôi là Lê Văn Trương, sinh năm 1966, chứng minh nhân dân số 250127779 do Công an Lâm Đồng cấp ngày 02/9/1981, con dâu tôi là Lê Thị Ch, sinh năm 1963...sẽ được hưởng toàn bộ di sản thuộc sở hữu của vợ chồng tôi như đã nêu trên do chúng tôi để lại, đồng thời có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng vợ chồng tôi khi già yếu và có nghĩa vụ thờ phụng lo việc hương khói cho tổ tiên cho vợ chồng tôi sau khi quá cố. Chúng tôi không để lại di sản của tôi cho bất cứ ai khác, di chúc này đã được hoàn thiện sau khi vợ chồng tôi được nghe và đọc lại nhiều lần...*”. Nội dung di chúc là bản viết tay, có điểm chỉ của cụ Mót và cụ Ph, không được chứng thực của cơ quan nhà

nước có thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án ông Tr trình bày do cụ Ph, cụ M không biết chữ nên nhờ ông Nguyễn Hồng Phúc (đã mất) viết thay, sau đó ông Tr đã đến Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu chứng thực nhưng không thực hiện được. Theo quy định tại Điều 652 Bộ Luật Dân sự năm 2005 quy định di chúc hợp pháp là *“Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ phải được người làm chứng lập thành văn bản và có công chứng hoặc chứng thực”*. Như vậy, cụ Ph là người không biết chữ, khi lập di chúc không được công chứng chứng thực theo quy định nên di chúc của cụ Ph lập ngày 09/01/2015 là không hợp pháp.

- Theo bản di chúc của cụ Lê Ph được Văn phòng công chứng N chứng thực số 28771, quyền số 20TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/12/2013 thể hiện nội dung *“Sau khi tôi qua đời thì ½ quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của tôi nêu trên để lại cho Bà Huỳnh Thị L”*. Nội dung di chúc được công chứng theo đúng quy định của pháp luật, ông Tr cho rằng tại thời điểm công chứng di chúc nói trên cụ Lê Ph đã 93 tuổi và không còn minh mẫn, đồng thời Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN584696 hiện nay không còn giá trị do bị thay thế bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CA199536. Xét thấy, tại thời điểm cụ Lê Ph lập di chúc diện tích đất không bị kê biên, thế chấp, việc cụ Lê Ph lập di chúc tại Văn phòng công chứng A (nay là Văn phòng công chứng N) là hoàn toàn tự nguyện, nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội, di chúc có 02 người làm chứng là ông Nguyễn Thanh Huy và ông Lê Văn Th theo quy định của pháp luật. Ông Tr cho rằng tại thời điểm lập di chúc cụ Ph không minh mẫn nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Đồng thời ông Tr cho rằng tại Văn bản số 78/CAH- QLHC ngày 28/02/2020 của Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thể hiện nội dung sổ hộ khẩu số 3916706673 mà Công an xã K, huyện Đ cấp cho cụ Lê Ph là sai quy định của Luật cư trú năm 2006. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36 Luật công chứng năm 2006 thì hồ sơ để yêu cầu công chứng phải có bản sao giấy tờ tùy thân (giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân...) chứ không quy định phải nộp kèm theo sổ hộ khẩu. Hơn nữa, sổ hộ khẩu không phải là một trong các loại giấy tờ tùy thân. Do đó, cụ Lê Ph khi làm thủ tục yêu cầu công chứng tại Văn phòng công chứng A vào ngày 20/12/2013 có nộp thêm sổ hộ khẩu số 3916706673 thì không ảnh hưởng đến giá trị pháp lý của nội dung di chúc. Mặt khác, đây là tranh chấp về thừa kế di chúc, không phải là chia thừa kế theo pháp luật, do đó dù bà L không phải là hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ph thì bà vẫn có quyền nhận di sản thừa kế của cụ Ph để lại.

[4] Đối với việc ông Tr cho rằng: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BN584696 không còn hiệu lực thì thấy rằng: Nội dung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN584696 và số CA199536 không có gì khác nhau đều ghi nhận quyền sử dụng đất của cụ Ph đối với diện tích 207m², thuộc thửa 550, tờ bản đồ số 14, xã K, huyện Đ. Tại thời điểm lập di chúc năm 2013, giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số BN584696 chưa được thay thế bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA199536 nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông Tr.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA199536 diện tích 207m², thuộc thửa 550, tờ bản đồ số 14, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng mang tên cụ Lê Ph với lý do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN584696 cấp ngày 29/3/2013 bị thất lạc trong quá trình sử dụng. Việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở đơn báo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/01/2015 và đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/3/2015 mang tên cụ Lê Ph. Tại Biên bản lấy lời khai đối chất 05/5/2021, ông Tr, bà Ch cho rằng bà Chúng là người viết hộ đơn báo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/01/2015 và cụ Ph, cụ M là người điền chỉ vào đơn. Tại Văn bản số 462/CNĐDU ngày 17/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng chỉ cung cấp được tài liệu đơn cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/3/2015, còn đơn báo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/01/2015 do công tác lưu trữ trước đây chưa chặt chẽ nên chưa tìm thấy. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2021 (*bút lục 340*), ông Tr xác định bản chính đơn báo mất ngày 12/01/2015 ông là người cất giữ, ngày 20/3/2019 sau khi chứng thực bản sao đơn báo mất tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì ông đã làm thất lạc bản chính nên không còn tài liệu này. Ngoài ra, ông Tr có cung cấp giấy ủy quyền ngày 01/12/2014 mang tên cụ Lê Ph, cụ Hồ Thị M ủy quyền cho ông Tr khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự với bà L. Tòa án trung cầu giám định dấu vân tay của cụ Ph, cụ M điền chỉ trong giấy ủy quyền ngày 01/12/2014, bản di chúc ngày 09/01/2015 và điền chỉ của cụ Ph trong đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/3/2015 với dấu vân tay trong giấy chứng minh nhân dân của cụ Ph, cụ M. Tại kết luận giám định số 1282/GĐ-PC09 ngày 04/10/2021 của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận dấu vết đường vân trên tài liệu là giấy ủy quyền ngày 01/12/2014, bản di chúc ngày 09/01/2015, đơn báo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/01/2015 mờ nhòe, không đủ yếu tố giám định. Do đó, không có cơ sở để xác định việc lập di chúc ngày 09/01/2015 của cụ Ph, cụ M để lại tài sản cho ông Tr, bà Ch là ý chí của cụ Ph, cụ M như lời trình bày của ông Tr.

Như vậy di chúc của cụ Ph được Văn phòng công chứng Á (nay là Văn phòng công chứng N) chứng thực số 28771, Quyền số 20TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/12/2013 để lại ½ diện tích Quyền sử dụng đất 207m² cho bà L được thực hiện đúng trình tự, thủ tục nên có hiệu lực pháp luật.

[5] Đối với yêu cầu của ông Tr về việc đề nghị xem xét chi phí nuôi dưỡng cụ Ph từ năm 1985 đến năm 2018 số tiền là 504.108.000 đồng, chi phí ăn uống, thuốc chữa bệnh là 396.000.000 đồng, chi phí mai táng 90.000.000 đồng, công sức quản lý, bảo quản phần di sản của cụ Ph từ năm 1985 đến nay là 165.000.000 đồng, tổng cộng là 1.155.108.000 đồng thì thấy rằng: việc chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, đặc

biệt khi cha mẹ mất năng lực hành vi dân sự, ốm đau, già yếu, con đã thành niên có nghĩa vụ phải cấp dưỡng cho cha mẹ trong trường hợp cha mẹ không có khả năng lao động. Đây là nghĩa vụ của con cái đối với cha mẹ nên việc ông Tr yêu cầu thanh toán chi phí chăm sóc nuôi dưỡng cụ Ph từ khi ốm cho đến khi qua đời là không phù hợp.

Đối với yêu cầu về chi phí mai táng và công sức quản lý, bảo quản di sản thì thấy rằng: trong thực tế thì ông Tr là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ khối tài sản này, tuy nhiên, ông Tr yêu cầu thanh toán 90.000.000 đồng tiền mai táng bao gồm mua quan tài, xây mộ và chi phí khác là không phù hợp. Vì vậy, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của ông Tr; buộc bà L phải thanh toán cho ông Tr 30.000.000 đồng tiền chi phí hợp lý cho việc mai táng, 165.000.000 đồng tiền công sức bảo quản di sản của cụ Ph để lại là phù hợp với quy định tại án lệ số 05/2016/AL ngày 04/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6] Theo bản vẽ đo đạc chính lý bản đồ địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thực hiện ngày 16/10/2019 thì thửa đất 550, tờ bản đồ số 14, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng có diện tích thực tế là 195m². Như vậy, bà L được hưởng di sản của cụ Ph để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất là 195m², theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định điều kiện tách thửa đất thì diện tích đất nói trên không đủ điều kiện để tách thửa. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của bà L về việc yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật, toàn bộ diện tích đất hiện nay ông Tr đang quản lý sử dụng, do đó cần giao cho ông Tr $\frac{1}{2}$ diện tích đất là 195m² là phù hợp và có trách nhiệm thanh toán giá trị đất cho bà L, toàn bộ diện tích đất 207m² (đo đạc thực tế là 195m²), thuộc thửa đất 550 là tài sản chung của cụ Ph, cụ M để lại, cụ Mót chết không để lại di chúc nên xác định $\frac{1}{2}$ diện tích đất 195m² còn lại là di sản của cụ Mót để lại chưa chia thừa kế.

[7] Theo Biên bản định giá tài sản ngày 31/7/2019, hội đồng định giá tài sản đã xác định giá trị thị trường của diện tích đất tranh chấp là 19.500.000đ/01m². Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất với kết quả thẩm định giá, không yêu cầu thẩm định giá lại nên Tòa án làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tổng giá trị di sản thừa kế của cụ Ph, cụ M để lại là: 3.802.500.000 đồng.

Do đó $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế mà cụ Ph để lại là 3.802.500.000 đồng/2 = 1.901.250.000 đồng.

Giá trị di sản mà bà L được nhận là 1.901.250.000đ (tương đương 97,5m²).

Chi phí mai táng, công sức quản lý, bảo quản di sản với giá trị di sản được hưởng là 30.000.000 đồng mai táng phí, 165.000.000 đồng tiền công sức bảo quản di sản.

Sau khi đối trừ nghĩa vụ thì ông Tr còn thanh toán cho bà L số tiền 1.706.250.000 đồng. Tạm giao cho ông Tr quản lý phần di sản thừa kế mà cụ Mót để lại chưa chia có giá trị là 1.901.250.000 đồng. Ông Tr được quyền quản lý, sử dụng lô đất và tài sản trên đất có diện tích 195m², thuộc thửa số 550, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại xã Ka Đô, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CA199536 ngày 05/8/2015 mang tên cụ Lê Ph.

[8] Với những nhận định trên; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ông Lê Văn Tr, Bà Lê Thị Ch, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[9] Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.039.000 đồng, chi phí giám định 1.450.000 đồng. Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế và được hưởng di sản nên phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá này. Đối với bị đơn ông Tr có yêu cầu giám định tài liệu nhưng việc giám định không thực hiện được nên ông Tr phải chịu chi phí giám định là phù hợp với quy định tại Điều 157, 161, 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[10] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Huỳnh Thị L nên bà L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, bà L là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí. Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án thì bà L được miễn nộp tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Do yêu cầu phản tố của bị đơn ông Tr không được chấp nhận nên phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Tr, bà Ch phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ các Điều 649, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông Lê Văn Tr; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Lê Thị Ch.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Huỳnh Thị L về việc “Tranh chấp di sản thừa kế” đối với Ông Lê Văn Tr.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Ph, cụ Hồ Thị M gồm: Ông Lê Văn Tr, Bà Trịnh Thị Th.

3. Xác định di sản thừa kế do cụ Lê Ph, cụ Hồ Thị M để lại là lô đất có diện tích đất 207m² (đo đạc thực tế 195m²) thuộc thửa số 550, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại xã Ka Đô, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA199536 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 05/8/2015 mang tên cụ Lê Ph; tổng giá trị di sản thừa kế là 3.802.500.000 đồng (ba tỷ tám trăm linh hai triệu năm trăm đồng), tổng giá trị di sản thừa kế các bên tranh chấp là 1.901.250.000 đồng (một tỷ chín trăm linh một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Ông Lê Văn Tr.

Công nhận di chúc của cụ Lê Ph được Văn phòng công chứng A (nay là Văn phòng công chứng N) công chứng số 28771, Quyền số 20TP/CC - SCC/HĐGD lập ngày 20/12/2013 để lại di sản là ½ quyền sử dụng diện tích đất thuộc thửa 550, tờ bản đồ số 14, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cho Bà Huỳnh Thị L là hợp pháp.

Tuyên bố di chúc của cụ Lê Ph, cụ Hồ Thị M lập ngày 09/01/2015 để lại di sản là quyền sử dụng diện tích đất thuộc thửa 550, tờ bản đồ số 14, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cho Ông Lê Văn Tr, Bà Lê Thị Ch là vô hiệu và hủy di chúc này.

Chia di sản do cụ Lê Ph để lại là ½ diện tích đất 195m², thuộc thửa 550, tờ bản đồ số 14, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cho Bà Huỳnh Thị L được hưởng bằng giá trị.

Giao tài sản là ½ diện tích đất 195m², thuộc thửa 550, tờ bản đồ số 14, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cho Ông Lê Văn Tr được quyền sử dụng. Xác định ½ diện tích đất 195m² còn lại thuộc thửa 550, tờ bản đồ số 14, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng là di sản của cụ Hồ Thị M để lại chưa chia.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6. Buộc Ông Lê Văn Tr có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Huỳnh Thị L số tiền 1.706.250.000đ (một tỷ bảy trăm linh sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

7. Về chi phí tố tụng: Bà Huỳnh Thị L phải chịu 4.039.000đ (bốn triệu không trăm ba mươi chín nghìn đồng), Ông Lê Văn Tr phải chịu 1.450.000đ (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tọa độ và định giá tài sản, bà L, ông Tr đã nộp đủ.

8. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị L được miễn tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Bà Huỳnh Thị L số tiền 5.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0011128 ngày 26/12/2018 và số 0006502 ngày 19/5/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ông Lê Văn Tr phải chịu 300.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0016029 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, ông Tr đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm:

Ông Lê Văn Tr, Bà Lê Thị Ch phải chịu 600.000 đồng án phí Dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003960 và số 0003961 ngày 27/5/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ông Tr, bà Ch đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

9. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV & THA;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Dương sự (05);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Hữu Nhân

